

Bản án số: 371/2022/HS-PT

Ngày: 26 - 5 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Công Mười

*Các Thẩm phán:*

Ông Phan Văn Yên

Ông Nguyễn Văn Tửu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 23/2022/TLPT- HS ngày 12 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Minh P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2021/HSST ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- **Bị cáo có kháng cáo:** **Nguyễn Minh P**; sinh ngày: 15/8/1989 tại: Tây Ninh; nơi đăng ký HKTT: Ấp N, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: Ấp Tân Trung B, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Nguyễn Minh V (đã chết) và bà Nguyễn Kim P1, sinh năm: 1962; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/12/2020 cho đến nay. (có mặt)

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh P:** Luật sư Nguyễn Duy Hoàng – Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; (có mặt)

- **Bị hại:** Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T; Địa chỉ: Số 829 đường T1, phường T2, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;

**Người đại diện hợp pháp của bị hại:** Ông Trần Quốc V1; chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T.

*Người đại diện ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông Nguyễn Tấn L; Địa chỉ: Số 829 T1, phường T2, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Văn Q; sinh năm:1990; Địa chỉ: Xã T2, thị xã B, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Đức H; sinh năm: 1976; Địa chỉ: 55B17 đường C1, phường T3, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Trịnh Văn O; sinh năm: 1974; Địa chỉ: Thôn 3, xã T5, huyện B1, tỉnh Bình Phước; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Văn N; sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện B1, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt)

5. Ông Trần Văn L1; sinh năm: 1984; Địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ2, huyện B1, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Văn P2; sinh năm: 1999; Địa chỉ: Thôn 1, xã Đường 10, huyện B1, tỉnh Bình Phước; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Bà Phạm Thanh D1; sinh năm: 1985; Địa chỉ: Ấp 4, xã P3, huyện B1, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

8. Bà Vũ Thị H1; sinh năm: 1973; Địa chỉ: Thôn 3, xã B2, huyện B1, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

9. Bà Bùi Thị Thanh T6; sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn Đ3, xã P4, huyện B3, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

10. Ông Phạm Văn D2; sinh năm: 1989; Địa chỉ: Thôn S1, xã P5, huyện B1, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

11. Bà Nguyễn Kim P1; sinh năm: 1962; Địa chỉ: Tổ 2, ấp M, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T (viết tắt là Công ty T) thành lập năm 1999 , địa chỉ: số 829 đường T1, phường T2, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh do ông Trần Quốc V1 làm giám đốc. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

Ngày 24/11/2015, Nguyễn Minh P được Công ty T ký hợp đồng thử việc, đến ngày 24/01/2016 là nhân viên chính thức theo hợp đồng lao động số

043/2016-HĐLĐ-TSHN, đến ngày 01/4/2017 tiếp tục ký hợp đồng lao động số 49/2017-HĐLĐ-TSHN với Công ty và làm việc cho đến ngày 31/3/2019. Công ty giao cho P làm nhân viên kinh doanh phụ trách địa bàn các huyện, thị xã thuộc tỉnh Bình Phước bao gồm huyện B1, P7, Đ4, thị xã P8 và thành phố Đ5 với nhiệm vụ chính là xây dựng và phát triển đại lý mới trên địa bàn quản lý. Ngoài ra, Công ty còn giao chỉ tiêu doanh số bán hàng theo từng mùa vụ cho nhân viên kinh doanh. (BL28, BL 484, BL 497-499)

Trong thời gian từ ngày 24/11/2015 đến ngày 31/3/2019 P được giao quản lý 35 đại lý gồm 33 đại lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước và 02 đại lý tại huyện B5 và huyện P9, tỉnh Bình Dương.

Bảng mô tả công việc của nhân viên kinh doanh ngày 02/01/2016 của Công ty T quy định:

- Về bán hàng:

+ Bán hàng, thu tiền bán hàng nộp về công ty, theo dõi nhắc nhở công nợ nộp tiền khách hàng thanh toán.

+ Nhận và xử lý đơn đặt hàng từ khách hàng.

+ Theo dõi hạn mức tín dụng để bán hàng.

- Về thu tiền: Công ty giao cho P trực tiếp thu tiền theo trị giá đơn hàng đã xuất bán, nộp vào tài khoản của Công ty (gồm các tài khoản số 191574149 mở tại Ngân hàng A, tài khoản số 060050108778 mở tại Ngân hàng S4, tài khoản số 0071000305651 mở tại Ngân hàng V2, tài khoản số 1920201358633 mở tại Ngân hàng A1) hoặc giao tiền mặt cho bộ phận kế toán trong thời gian 24 giờ sau khi đại lý thanh toán. (BL500,501)

Do đó, khi đại lý muốn đặt hàng thì báo cho P tổng hợp đơn hàng, sau đó P gửi thư điện tử (mail) hoặc gọi điện thoại báo về bộ phận quản lý bán hàng của Công ty để lập đơn hàng. Sau khi xuất hàng bán cho đại lý, P trực tiếp thu tiền theo trị giá đơn hàng đã xuất bán và nộp về công ty. Ngoài ra các đại lý cũng có thể tự nộp tiền để thanh toán cho công ty. Theo quy định của Công ty thì các đại lý sau khi nhận hàng phải thanh toán tiền cho công ty trong thời hạn từ 30-60 ngày tùy theo đơn hàng (có ghi thời hạn thanh toán cụ thể trên hóa đơn bán hàng). Nếu quá hạn nêu trên mà đại lý chưa thanh toán thì Công ty sẽ không cho đặt đơn hàng mới, đồng thời sẽ tính lãi suất đối với số nợ quá hạn.

Quá trình làm việc tại Công ty, P nhận thấy Công ty có nhiều sơ hở trong việc quản lý tài sản như: Việc đối chiếu công nợ giữa Công ty và đại lý không thường xuyên; nhân viên có thể kéo dài thời gian nộp tiền hàng bằng cách thông báo là đại lý chưa thanh toán; công ty ít thực hiện kiểm tra xác nhận lại việc đặt hàng với đại lý. Do đó, trong thời gian từ tháng 9/2017 đến tháng 02/2019, P lợi dụng trách nhiệm được giao, đã chiếm đoạt tiền của Công ty T với thủ đoạn:

- P nhiều lần mạo danh đại lý đặt hàng hoặc nhờ đại lý đặt thêm hàng rồi chiếm đoạt một phần hàng hóa của Công ty. Để thực hiện việc này, khi tư vấn bán hàng cho đại lý, P giới thiệu về chương trình khuyến mãi của Công ty: Nếu đại lý mua đủ số lượng theo yêu cầu của chương trình thì được hưởng chiết khấu. P nhờ đại lý đặt hàng cho đủ số lượng theo chương trình khuyến mãi rồi sẽ chia lại chiết khấu cho đại lý theo tỷ lệ hàng. Sau đó đại lý chỉ phải nhận và trả tiền theo nhu cầu đặt hàng thực tế của đại lý, số hàng còn lại P nhận để bán và chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty. Do đó các đại lý đồng ý đặt thêm hàng theo yêu cầu của P. Khi công ty xuất hàng đi giao, P nhờ đại lý ký, nhận toàn bộ số hàng theo đơn đã đặt. Sau đó, P sẽ đến đại lý chốt số lượng đại lý nhận mua và số tiền đại lý phải thanh toán vào sổ theo dõi giữa P và đại lý. Số hàng còn lại P chiếm đoạt một phần sử dụng đầu tư trồng khoai lang và bán ra ngoài hoặc đưa về bán tại Cửa hàng V3, là cửa hàng của P do P đứng tên tại thôn 6, xã M1, huyện B1, tỉnh Bình Phước (hiện cửa hàng không còn hoạt động) lấy tiền sử dụng cá nhân, còn một phần P cũng bán ra ngoài nhưng thu tiền nộp về Công ty.

- Sau khi thu tiền của đại lý và tiền bán số hàng tự đặt thêm, để tránh việc bị công ty phát hiện, P không nộp ngay về Công ty để thanh toán theo đúng đơn hàng đã đặt và thông báo trừ công nợ cho các đại lý mà tự cân đối và sử dụng số tiền thu được để thanh toán công nợ cho các đại lý khác đã đến hạn. Sau đó P tiếp tục lấy tiền của đại lý sau thanh toán bù công nợ cho các đại lý trước hoặc báo với Công ty là đại lý chưa thanh toán. Đồng thời, P tiếp tục đặt hàng cho các đại lý đã thanh toán hết công nợ để lấy hàng bán cho các

Qua đối chiếu công nợ của các đại lý do P phụ trách xác định: Từ tháng 01/2016 đến hết tháng 02/2019, P đã thông báo về Công ty đặt hàng cho 35 đại lý với 219 đơn hàng với tổng giá trị hàng hóa là 24.665.716.447 đồng (Hai mươi bốn tỷ, sáu trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi bảy đồng), thuế thu nhập cá nhân phát sinh phải thu của đại lý là 31.968.601 đồng (Ba mươi một triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm lẻ một đồng). Ngoài ra, khi P phụ trách quản lý còn được giao thu hồi số nợ cũ chưa thanh toán của các đại lý là 94.954.418 đồng (Chín mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm mười tám đồng). Tổng số tiền mà P có trách nhiệm thu nộp về Công ty là 24.792.639.466 đồng (Hai mươi bốn tỷ sáu trăm ba mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Tuy nhiên, đến tháng 10/2019, P chỉ mới thanh toán cho Công ty 22.854.481.310 đồng (Hai mươi hai tỷ, tám trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi một nghìn ba trăm mười đồng), trên hệ thống hồ sơ kế toán của Công ty còn 08 đại lý phát sinh trên 11 đơn hàng chưa thanh toán là 1.938.158.156 đồng (Một tỷ chín trăm ba mươi tám triệu một trăm năm mươi tám nghìn, một trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó có 02 đại lý còn nợ 67.820.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng). Ngoài ra, các đại lý không còn nợ tiền hàng của Công ty. Tổng số tiền và

hàng hóa P đã chiếm đoạt của Công ty T có giá trị là 1.870.338.156 đồng (Một tỷ tám trăm bảy mươi triệu ba trăm ba mươi tám nghìn một trăm năm mươi sáu đồng). Số tiền chiếm đoạt P sử dụng để tiêu xài cá nhân và dùng vào việc đầu tư trồng khoai lang, củ lùn, mỳ nhưng bị thua lỗ. (BL 599-655, BL 2924-3128).

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2021/HSST ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, quyết định:*

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh P 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 17/12/2021, bị cáo Nguyễn Minh P có đơn kháng cáo kêu oan. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 31/12/2020, đại diện Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 27/12/2021, bà Nguyễn Kim P1 có đơn kháng cáo xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:*

Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là tương xứng. Đề nghị không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

*Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm như sau:*

Tại phiên tòa bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình. Mức hình phạt đã tuyên là quá nặng. Bản thân bị cáo không có ý định lừa đảo công ty, mà mục đích chỉ là tăng doanh số, tuy nhiên bị cáo đã sai khi không nộp tiền về cho công ty kịp thời. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Kim P1 – người có quyền, nghĩa vụ liên quan và đồng thời là mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Minh P (không phải là người đại diện hợp pháp cho bị cáo P) có đơn kháng cáo xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thông báo kháng cáo bản án sơ thẩm đối với yêu cầu của bà Phượng.

Tuy nhiên, căn cứ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền, nghĩa vụ liên quan, thì bà Phượng không có quyền kháng cáo về nội dung hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Minh P. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Kim P1.

Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về nội dung này.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo và bị hại thấy rằng:

[2.1] Đối với yêu cầu kháng cáo kêu oan (trước đây) của bị cáo Nguyễn Minh P thấy rằng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo P kháng cáo kêu oan vì cho rằng: quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, bị cáo bị mớm cung, dụ cung để khai nhận những việc làm mà mình không làm. Khai nhận theo bản cung mà Điều tra viên đã soạn sẵn.

Qua kiểm tra, xem xét các chứng cứ, tài liệu đã thu thập tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng:

Tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm, khi được hỏi: “Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo có bị ép cung, bị dùng nhục hình hay không”; bị cáo trả lời: “Trong quá trình điều tra bị cáo tự khai, không bị ép cung, dùng nhục hình”.

Tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung xuyên suốt trong quá trình điều tra thể hiện từ bút lục số 2924 đến 3128, bị cáo P luôn thừa nhận và xác định hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nhận định. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo tiếp tục xác nhận việc “sau khi thu tiền từ đại lý, bị cáo không chuyển tiền về công ty mà dùng để cân đối khoản nợ mà các đại lý khác chưa thanh toán để đảm bảo số công nợ...”, và thừa nhận rằng: “bị cáo dùng để trồng nông sản nhưng mất mùa nên bị cáo không có tiền nộp về công ty”. Cũng tại phiên tòa sơ thẩm này, bị cáo tự xác định không bị oan.

Từ đó, có đủ cơ sở xác định và kết luận: Nguyễn Minh P là nhân viên kinh doanh của Công ty TNHH T. Trong quá trình làm việc lợi dụng sơ hở trong quản lý việc bán hàng của công ty P đã mạo danh đại lý đặt hàng sau đó nhờ đại lý ký nhận hàng hoặc tự nhận hàng để chiếm đoạt tài sản của công ty. Từ tháng 01/2016 đến tháng 02/2019 P đã mạo nhận 08 đại lý đặt 11 đơn hàng có giá trị 1.870.338.156 đồng và đem số hàng trên về cửa hàng do P làm chủ để bán hoặc bán cho các đại lý khác. Số tiền thu được, bị cáo đã dùng vào mục đích cá nhân.

Vì lẽ đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định hành vi của bị cáo P đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người và đúng tội.

[2.2] Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và phía bị hại là Công ty TNHH dịch vụ T, xét thấy:

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục cho phía bị hại số tiền 1.773.758.464 đồng, số tiền còn lại là 96.579.692 đồng phía bị hại không yêu cầu bồi thường và làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ cho bị cáo. Như vậy, có thể thấy rằng thiệt hại đã được khắc phục. Tại đơn kháng cáo, phía Công ty TNHH dịch vụ T trình bày rằng: bị cáo là người có nhân thân tốt, quá trình làm việc tại Công ty đã có một số đóng góp trong việc phát triển kinh doanh, nhiều lần được công ty khen thưởng do đạt và vượt kế hoạch.

Xét thấy, yêu cầu kháng cáo của bị cáo và phía bị hại phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội ăn năn hối cải và tích cực khắc phục thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận, vì vậy bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh P; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía bị hại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ T. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 39/2021/HS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

*Tuyên xử:*

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh P 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2020.

Tiếp tục giam giữ bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Trại tạm giam tỉnh Bình Phước;
- Trại tạm giam tỉnh Bình Phước;
- (Để tổng đạt Bản án cho bị cáo)
- Bị hại;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 18bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Công Mười**



**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Văn Yên**

**Nguyễn Văn Tửu**

**Phạm Công Mười**

